TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/**2025/DS-ST
Ngày: 17 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Trần Thị Nga.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 511/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 465/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S1**

Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Dương Văn T**, sinh năm 1987;(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Lầu A, 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền số 1177/2025/UQ-TT.XLN ngày 24/3/2025).

Bị đơn: **Ông Nguyễn S**, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: G, Tổ G Ấp G, Xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số G, tổ G, ấp G, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Văn T trình bày:

Ngày 30/12/2022, ông Nguyễn S có ký với Ngân hàng TMCP S1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 120.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ: Visa; Số thẻ: 526830-3714; Hạn mức: 120.000.000 đồng; lãi suất: 2.76%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.194.600.000 đồng (một tỷ một trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông S phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.092.834.384 đồng (một tỷ không trăm chín mươi hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/05/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 135.062.424 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng) làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên nguyên đơn Ngân hàng

TMCP S1 yêu cầu Tòa án: Buộc ông Nguyễn S phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2025 là 209.218.451 đồng (hai trăm lẻ chín triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm năm mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc: 135.062.424 đồng; lãi quá hạn: 74.156.027 đồng. Đồng thời yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/7/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự cho bị đơn ông Nguyễn S tham gia tố tụng theo quy định, bị đơn trực tiếp nhận các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Dương Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 196; Khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1. Về án phí: Ông Nguyễn S phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn S. Căn cứ vào Phiếu trả lời xác minh của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/3/2025 thể hiện bị đơn đang thực tế cư trú tại địa chỉ C ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa (ông S trực tiếp nhận các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Toà án) nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự giữa các bên đương sự ký kết và thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

[4.1.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/12/2022 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/12/2022, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của Ngân hàng TMCP S1) có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn S và đại diện Ngân hàng TMCP S1 có cơ sở xác định ngày 30/12/2022 Ngân hàng TMCP S1 đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn S với hạn mức sử dụng là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Xét tính hợp pháp của sự thỏa thuận cho vay giữa các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nội dung và hình thức của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/12/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..."* Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc..."*.

Căn cứ Khoản 1 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024: "*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm"*.

[4.1.2] Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê ngày 17/7/2025 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn S đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 17/7/2025 với tổng

số tiền là 1.194.600.000 đồng (một tỷ một trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn S đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền là 1.092.834.384 đồng (một tỷ không trăm chín mươi hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

Do ông Nguyễn S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/5/2024 Ngân hàng TMCP S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Nguyễn S và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 135.062.424 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng) sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1 và quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Xét bị đơn ông Nguyễn S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được nguyên đơn thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho nguyên đơn là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi:

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:*"... 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc..."*.

Căn cứ Khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng."*.

Căn cứ Bảng mô tả nội dung thay đổi (ban hành theo Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S1 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S2 phát hành tại Việt Nam); Khoản 27 Điều 1; Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1 thì mức lãi suất trong hạn được áp dụng đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/12/2022 là 33.2%/ năm (2.76%/tháng).

Căn cứ Điều 23, Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1 quy định lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được áp dụng, tương đương 4.14%/tháng (2.76%/tháng x 150%).

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S1 đã chuyển số nợ gốc là 135.062.424 đồng sang nợ quá hạn từ ngày 16/5/2024, áp dụng mức lãi suất 4.14%/tháng được tính trên số nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ tính đến ngày 17/7/2025 là 74.156.027 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi nêu trên là có cơ sở theo quy định đã thỏa thuận trong hợp đồng, Khoản 2 Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn S đã được tống đạt hợp lệ (trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Toà) thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án trong đó nêu rõ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S1 về việc yêu cầu ông Nguyễn S trả toàn bộ số tiền còn nợ phát sinh của Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 30/12/2022 nhưng bị đơn vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh và bị đơn phải chịu hậu quả về việc không phản đối và không chứng minh của mình.

[6] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn S có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/12/2022 cho Ngân hàng TMCP S1 tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2025 là: 209.218.451 đồng (hai trăm lẻ chín triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm năm mươi mốt đồng). Trong đó: Nợ gốc: 135.062.424 đồng; lãi quá hạn: 74.156.027 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho

Ngân hàng TMCP S1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, 119, Điều 280, Khoản 1 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc ông Nguyễn S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S1 tổng cộng số tiền là: 209.218.451 đồng (hai trăm lẻ chín triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm năm mươi mốt đồng). Trong đó: Nợ gốc: 135.062.424 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bốn đồng); lãi quá hạn: 74.156.027 đồng (bảy mươi bốn triệu một trăm năm mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn S còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn S phải chịu 10.460.923 đồng (mười triệu bốn trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 số tiền 4.642.070 đồng (bốn triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn không trăm bảy mươi đồng) đã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0052363 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (01);
- VKSND TP.HCM (01);
- VKSND KV10- TP.HCM (01);
- THADS TP.HCM (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu hồ sơ (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Nguyễn Thanh Thảo